

河内市，2024年10月04日

议定

修改、补充政府于 2018/1/23 详细规定边境贸易活动之第 14/2018/NĐ-CP 号议定之若干条款

根据 2015 年 6 月 19 日《政府组织法》；2019 年 11 月 22 日修改、补充《政府组织法》及《地方政府组织法》若干条款的法典；

根据 2017 年 6 月 12 日《对外贸易管理法》；

依工商部部长的建议；

政府颁布修改、补充政府于 2018/1/23 详细规定边境贸易活动之第 14/2018/NĐ-CP 号议定之若干条款之议定。

第一条：修改、补充政府于 2018/1/23 详细规定边境贸易活动之第 14/2018/NĐ-CP 号议定之若干条款

1. 对第 3 条第 3 款修改、补充如下：

「3. 属于本议定适用对象的边境居民是指常住地址的社、坊、市镇或同等行政单位的行政边界部分与国家陆地边界重合的越南公民。」

2. 对第 4 条第 2 款修改、补充如下：

「2. 付款方式

a) 透过银行付款；

b) 出口货物和服务与进口货物和服务之间的清算付款（差额透过银行支付）；

c) 现金支付仅适用于边境居民的物品购销、交换活动。

3. 在第 4 条新增第 4a 款如下：

「第 4a 款：边境贸易活动中的货物标准

贸易商和边境居民跨境购销和交换活动中的货物必须完全符合进口国法律规定的标准、质量、可追溯性及其他条件。」

4. 对第 16 条第 1 款、第 2 款修改、补充如下：

「1. 在边境地区登记居住的越南商人和公民。

2. 有共同边界国家国籍并依越南社会主义共和国为成员的国际条例和《由第 51/2019/QH14 号法典和第 23/2023/QH15 号法典修改、补充若干条款之第 47/2014/QH13 号外国人在越南入境、出境、过境及居住法》持有仍有效的护照或其他代替护照和签证的文件（免办签证情况除外）之商人、公民；在共同边界国家有经营登记并依共同边界国家的法律规定获得经营登记证的商人、经营户、个人。」

5. 对第 21 条第 1 款、第 3 款修改、补充如下：

a) 对第 1 条修改、补充如下：

「1. 货物所有人或其授权人、车辆所有人、货物运输车辆驾驶人以及车、船、船上的服务人员为越南公民的，将根据越南社会主义共和国为成员的国际条例和《由第 23/2023/QH15 号法典修改、补充若干条款之第 49/2019/QH14 号外国人在越南入境、出境、过境及居住法》执行。

对于车辆驾驶人，除上述规定的文件外，还必须持有与所驾驶车辆类型相适应的车辆驾驶执照。」

b) 对第 3 条修改如下：

「3. 越南的车辆、货物运输车辆驾驶人和经营主体可以通过本议定规定的边境口岸和边境点进出共同边界国家的边境市场，必须在边境口岸和边境点接受专门管理力量的检查和控制。」

6. 对第 22 条第 1 款、第 3 款修改、补充如下：

a) 对第 1 条修改、补充如下：

「1. 货物所有人或其授权人、车辆所有人、货物运输车辆驾驶人以及车、船、船上的服务人员为外国人的，将根据越南社会主义共和国为成员的国际条例和《由第 51/2019/QH14 号法典和第 23/2023/QH15 号法典修改、补充若干条款之第 47/2014/QH13 号外国人在越南入境、出境、过境及居住法》执行。」

b) 对第 3 条修改如下：

「3. 共同边界国家的车辆和公民是共同边界国家的货物运输车辆驾驶人和经营主体，在进出边境市场、口岸市场和越南经济区口岸市场以运输货物时，必须在口岸接受专门国家管理机关的检查、控制和检疫。」

7. 第 24 条第 2 款修改、补充如下：

「2. 财政部主持并与相关部门、边境省份人委会：

a) 指引实施税费、费用、规费的政策；

b) 执行出口、进口和过境货物；出境、入境和过境的运输工具的海关手续、检查、监察和控制。」

第二条：实施条款

1. 本协议定自 2024 年 12 月 1 日起生效。

2. 2029 年内，财政部报请政府研究决定调整边境居民通过购销、交换货物形式进口货物的免税数量及免税金额。

3. 自 2029 年 1 月 1 日起，进行跨境货物购销、交换时，边境居民必须到场办理进出口手续。

4. 自 2030 年 1 月 1 日起，货物只能在以下地点办理进出口手续：国际口岸；主要边境口岸（双边口岸）；二级边境口岸；通关路线、国际口岸货物运输专用道路、主要口岸（双边口岸）；已依现行法律规定完成关口和边境口岸开放及升级程序，并达成允许出口、进口和货物交换的双边协议的边境开放地区。

5. 部长、部级机关首长、政府直属机关首长、中央直辖市、市人委会主席以及相关机构、个人负责执行本协议定。

收件处：

- 党中央书记委员会；
- 政府各副总理；
- 各部门、部级机关、政府直属机关；
- 中央直辖市、市人民议会、人委会；
- 党中央办公室和各部门；
- 总书记办公室；
- 国家主席办公室；
- 民族议会和国会各委会；
- 国会办公室；
- 人民最高法院；
- 人民最高检察院；
- 国家审计；
- 国家金融监督委员会；
- 社会政策银行；
- 越南发展银行；
- 越南祖国阵线中央委员会；
- 各团体中央机关；
- 企业创新与发展指导委员会；

代表政府

总理

(已签名盖章)

范明正



- 越南工商联合会；
- 越南中小型企业协会；
- 政府办公室：部长兼主任、各副主任、总理助理、电子信息网站总经理、各务、局、直属单位、公报；
- 存档：文书、KTTH (2b)

~ 恒利翻译，仅供参考 ~



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 14/2018/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Cư dân biên giới thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là công dân Việt Nam có nơi thường trú tại xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị hành chính tương đương có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Phương thức thanh toán

a) Thanh toán qua ngân hàng;

b) Thanh toán bù trừ giữa hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu (phần chênh lệch thanh toán qua ngân hàng);

c) Thanh toán bằng tiền mặt chỉ áp dụng đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.”

3. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Tiêu chuẩn hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới

Hàng hóa trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân, cư dân biên giới phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, chất lượng, quy định về truy xuất nguồn gốc và các điều kiện khác theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 như sau:

“1. Thương nhân, công dân mang quốc tịch Việt Nam đã đăng ký cư trú tại khu vực biên giới.

2. Thương nhân, công dân mang quốc tịch của nước có chung đường biên giới, có Hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực, còn giá trị sử dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15; thương nhân, hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh của nước có chung đường biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật của nước có chung đường biên giới.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là công dân Việt Nam thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 23/2023/QH15.

Riêng người điều khiển phương tiện, ngoài giấy tờ quy định nêu trên còn phải có giấy phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện điều khiển.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để ra hoặc vào chợ biên giới của nước có chung đường biên giới, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu biên giới thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số

47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương tiện và công dân của nước có chung đường biên giới là người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của nước có chung đường biên giới khi ra, vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam để vận chuyển hàng hóa phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:

“2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới:

a) Hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, phí và lệ phí;

b) Thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2. Trong năm 2029, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh số lần được miễn thuế và số tiền được miễn thuế cho nhập khẩu hàng hoá theo hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029, khi thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới, cư dân biên giới phải có mặt để làm thủ tục xuất nhập khẩu.

4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2030, hàng hoá chỉ được làm thủ tục xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu quốc tế; cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); cửa khẩu phụ; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); lối mở biên giới đã hoàn thành trình tự mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới, lối mở biên giới theo quy định pháp luật hiện hành và đã đạt thỏa thuận song phương về cho phép xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi hàng hóa.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

Phạm Minh Chính